

Bản án số: 74/2018/DS-PT
Ngày: 18 – 5- 2018
V/v: " Tranh chấp di sản thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lộc.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Mới.

Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thành – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Lữ Thị Tuyết Lan – kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2017/TLPT-DS ngày 02/8/2017 về việc: " Tranh chấp di sản thừa kế".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2017/DS-ST, ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện A bị kháng cáo và bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 115/2018/QĐ-PT ngày 02/5/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đặng Hoàng P, sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp A1, xã A2, huyện A, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Đặng Hoàng P: là Luật gia Nguyễn Thành Đ, thuộc Hội luật gia tỉnh Vĩnh Long.

Anh Đặng Hoàng P Ủy quyền cho bà Lê Thị H làm đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 15/7/2014.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị U, sinh năm 1948.

Địa chỉ: ấp A1, xã A2, huyện A, tỉnh Vĩnh Long.

Ủy quyền cho anh Đặng Thanh P1 làm đại diện.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Đặng Thị N, sinh năm 1968

3.2. Anh Đặng Quốc T, sinh năm 1970.

Chị N và anh T ủy quyền cho anh Đặng Thanh P1 làm đại diện.

3.3. Anh Đặng Thanh P2, sinh năm 1972.

Người đại diện hợp pháp cho anh Đặng Thanh P2: là bà Phạm Thị U.

3.4. Anh Đặng Thanh P1, sinh năm 1974

3.5. Chị Đặng Thị Kiều Osinh năm 1976.

Địa chỉ: ấp A1, xã A2, huyện A, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện nay: ấp PH, xã HP, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

Chị Đặng Thị Kiều O ủy quyền anh Huỳnh Chí H1, sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp PH, xã HP, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long làm đại diện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Phạm Thị U, anh Đặng Thanh P1, anh Đặng Quốc T, chị Đặng Thị N và chị Đặng Thị Kiều O là ông Tô Vĩnh H2 – Luật sư Văn phòng luật sư TL, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long.

3.6. Anh Đặng Minh N1, sinh năm 1992.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Đặng Minh N1: là Luật gia Nguyễn Thành Đ thuộc Hội luật gia tỉnh Vĩnh Long.

3.7. Anh Đặng Minh T1, sinh năm 1992.

Địa chỉ: ấp A1, xã A2, huyện A, tỉnh Vĩnh Long.

3.8. Chị Đặng Thị L, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp A1, xã A2, huyện A, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đặng Minh N1, Đặng Minh T1, chị Đặng Thị L: là bà Lê Thị H, sinh năm 1953. Địa chỉ: ấp A1, xã A2, huyện A, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 15/7/2014).

3.9. Đặng Thị S, 77 tuổi.

3.10. Ông Nguyễn Văn H3, sinh năm 1954

3.11. Bà Đặng Thị N2, sinh năm 1969.

3.12. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1954

3.13. Ông Nguyễn Hữu H4, sinh năm 1947

Địa chỉ: ấp A1, xã A2, huyện A, tỉnh Vĩnh Long.

Người kháng cáo:

1/ Bà Phạm Thị U là bị đơn.

2/ Anh Đặng Thanh P1, anh Đặng Quốc T, chị Đặng Thị N và chị Đặng Thị Kiều O là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

3/ Người kháng nghị: Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện A .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Đặng Hoàng P ủy quyền cho bà Lê Thị H trình bày: Ông Đặng Thành S1 và bà Phạm Thị U là vợ chồng chính thức, hợp pháp, ông bà đã xây dựng hôn nhân vào năm 1962. Ông S1 và bà U sinh được năm người con chung:

1. Chị Đặng Thị N, sinh năm 1968.
2. Anh Đặng Quốc T, sinh năm 1970.
3. Anh Đặng Thanh P2, sinh năm 1972.
4. Anh Đặng Thanh P1, sinh năm 1974.
5. Chị Đặng Thị Kiều O, sinh năm 1976.

Tất cả năm người con đều còn sống. Anh Đặng Thanh P2 bị bệnh tâm thần không có năng lực hành vi dân sự nên bà U đại diện cho con theo pháp luật.

Vào năm 1976 ông S1 có quan hệ như vợ chồng với bà Lê Thị H. Ông S1 và bà H sinh được bốn người con chung:

1. Anh Đặng Hoàng P, sinh năm 1979 (nguyên đơn).
2. Anh Đặng Minh N1, sinh năm 1992 (người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập).
3. Anh Đặng Minh T1, sinh năm 1992 (người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập).
4. Chị Đặng Thị L, sinh năm 1977 (người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập).

Chứng cứ để chứng minh chị L, anh P, anh N1 và anh T1 là con của ông S1 và bà H là các giấy khai sinh số: 519/1983, quyền số: 01/1983 ngày 29-8-1983; số: 520/1983, quyền số: 01/1983 ngày 29-8-1983; số: 375, quyền số: 01 ngày 12-8-1997; số: 376, quyền số: 01/1997 ngày 12-8-1997.

Đến ngày 16 tháng 01 năm 2014 ông Đặng Thành S1 chết theo giấy chứng tử số: 07/2014, quyền số: 02/2013 ngày 21-01-2014.

Theo kết quả đo đạc hiện trạng ngày 08-7-2015 và ngày 31-7-2015, trích đo bản đồ hiện trạng khu đất của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai và Phòng Tài nguyên – Môi trường huyện A thì tài sản chung của ông S1 và bà U gồm có:

1. Thửa đất số 26, tờ bản đồ số 26, diện tích $3.293,7\text{m}^2$ loại đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm. Giá đất thổ cư $170.000 \text{ đồng}/\text{m}^2 \times 300\text{m}^2 = 51.000.000 \text{ đồng}$, giá đất trồng cây lâu năm $50.000 \text{ đồng}/\text{m}^2 \times 2.993,7\text{m}^2 = 149.685.000 \text{ đồng}$ tọa lạc tại ấp Xẻo Tràm, xã Trà Côn, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long do bà Út và anh Phước đang quản lý, sử dụng.
2. Thửa đất số 144, tờ bản đồ số 25, diện tích $1.662,1\text{m}^2$ loại đất trồng cây lâu năm, giá đất $50.000 \text{ đồng}/\text{m}^2 \times 1.662,1\text{m}^2 = 83.105.000\text{đ}$ tọa lạc tại ấp A1, xã A2, huyện A, tỉnh Vĩnh Long do bà U đang quản lý, sử dụng.

3. Thửa đất số 307, tờ bản đồ số 25, diện tích $2.312,3m^2$ loại đất chuyên trồng lúa nước. Thửa đất số 356, tờ bản đồ số 25, diện tích $3.303,7m^2$ loại đất chuyên trồng lúa nước. Giá đất $40.000 \text{ đồng}/1m^2 \times (2.312,3m^2 + 3.303,7m^2) = 224.640.000$ đồng đất tọa lạc tại ấp A1, xã A2, huyện A, tỉnh Vĩnh Long do ông Đặng Thành S1 đăng ký đứng tên sử dụng trong bộ địa chính.

4. Thửa đất số 213, tờ bản đồ số 25, diện tích $9.420,8m^2$, loại đất chuyên trồng lúa nước. Thửa đất số 291, tờ bản đồ số 25, diện tích $43,9m^2$, loại đất chuyên trồng lúa nước. Giá đất $40.000 \text{ đồng}/1m^2 \times (9.420,87m^2 + 43,9m^2) = 378.588.000$ đồng tọa lạc tại ấp A1, xã A2, huyện A do bà U quản lý, sử dụng.

Các thửa đất số 26, 144, 213, 291 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Đặng Thành S1 đứng tên.

Các thửa đất số 307, 356 ông S1 nhận chuyển nhượng của người khác, ông S1 đã kê khai đăng ký sử dụng đất, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các chủ sử dụng củ đã xác nhận là đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông S1, họ không có yêu cầu tranh chấp đất đã chuyển nhượng.

Trước khi ông Đặng Thành S1 chết có để lại di chúc đề ngày 25 tháng 10 năm 2013 để định đoạt tài sản của mình. Tờ di chúc có hai ông thông gia với ông S1 làm chứng là ông Trần Vĩnh H4 và ông Bùi Công M. Tờ di chúc viết tay không có công chứng, chứng thực.

Nguyên đơn Đặng Hoàng P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Đặng Thị L, Đặng Minh N1, Đặng Minh T1 có đơn khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị U phải chia di sản của ông S1 chết để lại theo pháp luật cụ thể chị L, anh P, anh N1, anh T1 mỗi người được hưởng $588m^2$ đất lúa, $240m^2$ đất ở đô thị và đất trồng cây lâu năm một phần (1/20) giá trị căn nhà.

Tại phiên hòa giải ngày 29 tháng 12 năm 2016 và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập thay đổi và rút lại một phần yêu cầu khởi kiện. Các đương sự yêu cầu phía bị đơn phải chia lại cho chị L, anh P, anh N1, anh T1 mỗi người bằng 60.000.000đ là giá trị quyền sử dụng đất ở, đất trồng cây lâu năm, đất chuyên trồng lúa nước, không yêu cầu chia giá trị cây trồng trên đất và nhà ở.

Bị đơn bà Phạm Thị U không có yêu cầu phản tố.

Chị N, anh T, anh P1, chị O tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn, không có yêu cầu độc lập.

Bà U và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 26/2017/DS-ST ngày 19/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện A đã xử:

Căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 609, 613, 617, 649, 650, 651 của Bộ luật dân sự; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 48

của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Quyết định đình chỉ xét xử phần yêu cầu của nguyên đơn anh Đặng Hoàng P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Chị Đặng Thị L, anh Đặng Minh N1, anh Đặng Minh T1 đối với yêu cầu chia thừa kế là nhà ở, vật kiến trúc và cây trồng trên đất.

Chấp nhận việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập; không yêu cầu chia di sản thừa kế là diện tích đất ruộng, đất vườn mà yêu cầu chia giá trị quyền sử dụng các loại đất là di sản của ông Đặng Thành S1chết để lại.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn anh Đặng Hoàng P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: chị Đặng Thị L, anh Đặng Minh N1, anh Đặng Minh T1.

Tài sản là phần di sản của ông Đặng Thành S1 để lại gồm: Thừa đất số 26, diện tích 3.293,7m², loại đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm. Thừa số 144, diện tích 1.662,1m², loại đất trồng cây lâu năm. Thừa số 213, diện tích 9.420,8m², thửa đất số 291, diện tích 43,9m², thửa đất số 307, diện tích 2.312,3m², thửa đất số 356, diện tích 3.303,7m² cùng loại đất chuyên trồng lúa nước tọa lạc tại ấp A1, xã A2, huyện A, tỉnh Vĩnh Long. Giá trị di sản bằng 50% giá trị của các thửa đất được tính thành tiền là 443.509.000 đồng chia cho:

1. Anh Đặng Hoàng P là 44.350.900 đồng.
2. Chị Đặng Thị L là 44.350.900 đồng.
3. Anh Đặng Minh N1 là 44.350.900 đồng.
4. Anh Đặng Minh T1 là 44.350.900 đồng.

Số tiền trị giá di sản là quyền sử dụng đất còn lại bằng 266.105.400 đồng giao cho bà Phạm Thị U, chị Đặng Thị N, anh Đặng Quốc T, anh Đặng Thanh P1, chị Đặng Thị Kiều O được hưởng. Phần của anh Đặng Thanh P2 do bà Phạm Thị U đại diện quản lý.

Buộc bà Phạm Thị U, chị Đặng Thị N, anh Đặng Quốc T, anh Đặng Thanh Phong, chị Đặng Thị Kiều Oanh phải có nghĩa vụ thanh toán cho anh Đặng Hoàng P1, chị Đặng Thị L, anh Đặng Minh N1, anh Đặng Minh T1 mỗi người bằng 44.350.900 đồng giá trị quyền sử dụng đất mà nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được chia.

Tạm giao cho bà Phạm Thị U, chị Đặng Thị NU, anh Đặng Quốc T, anh Đặng Thanh P1, chị Đặng Thị Kiều O quản lý, sử dụng các thửa đất: thửa số 26, 144, 213, 291, 307, 356 tọa lạc tại ấp A1, xã A2, huyện A, tỉnh Vĩnh Long.

Kích thước, giáp cận, vị trí, diện tích, loại đất của các thửa đất được xác định theo trích đo bản đồ hiện trạng khu đất ngày 01 tháng 02 năm 2016 và ngày

22 tháng 4 năm 2016 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện A (có kèm theo bản án).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định giá, án phí sơ thẩm, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/6/2017 bà Phạm Thị U, anh Đặng Thanh P1, anh Đặng Quốc T, chị Đặng Thị N và chị Đặng Thị Kiều O có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung:

1/Yêu cầu Tòa án tuyên bố di chúc ngày 25/10/2013 do ông Đặng Thành S1 để lại là hợp pháp.

2/ Yêu cầu Tòa án xử bác yêu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

3/ Yêu cầu xem xét lại phần chi phí thẩm định giá và phần án phí.

Ngày 03/7/2017 Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện A kháng nghị bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm theo hướng hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Phạm Thị U, anh Đặng Quốc T, chị Đặng Thị N và chị Đặng Thị Kiều O có anh Đặng Thanh P1 làm đại diện theo ủy quyền và anh Đặng Thanh P1, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bà Lê Thị H là người đại diện theo ủy quyền của anh Đặng Hoàng P1, anh Đặng Minh T1, anh Đặng Minh N1 và chị Đặng Thị L không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị U, anh Đặng Thanh P1, anh Đặng Quốc T, chị Đặng Thị N và chị Đặng Thị Kiều O, bà H yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long giữ nguyên Quyết định kháng nghị của Viện Trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện A.

Luật gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Đặng Hoàng P và anh Đặng Minh N1 phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại Quyết định kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện A, vì những lý do để kháng nghị là không đủ căn cứ.

Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa hôm nay có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của anh Đặng Hoàng P, anh Đặng Minh T1, anh Đặng Minh N1 và chị Đặng Thị L. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện A và không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Phạm Thị U, anh Đặng Thanh P1, anh Đặng Quốc T, chị Đặng Thị N và chị Đặng Thị Kiều O, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đối với bà Lê Thị H là vợ của ông Đặng Thành S1, án sơ thẩm chưa xem xét cho bà H, nên bà Lê Thị H sẽ khởi kiện chia thừa kế sau.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Đặng Thanh P1 phát biểu ý kiến: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, xét thấy di chúc ngày 25/10/2013 do ông Đặng Thành S1 để lại là hợp pháp, phù hợp theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bà Phạm Thị U, anh Đặng Thanh P1, anh Đặng Quốc T, chị Đặng Thị N và chị Đặng Thị Kiều O. Áp dụng khoảng 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đặng Hoàng P và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập anh Đặng Minh T1, anh Đặng Minh N1 và chị Đặng Thị L Trường hợp không chấp nhận tờ di chúc ngày 25/10/2013 do ông Đặng Thành S1 để lại, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến; Thẩm phán thụ lý vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy án sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, chưa đưa hết những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cấp phúc thẩm không thể bổ sung được, vì vậy cần phải hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại. Do đó, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện A là có căn cứ. Do hủy án sơ thẩm, nên không xét kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật TTDS năm 2015; Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện A, hủy án sơ thẩm. Các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án ngày 19/6/2017, ngày 28/6/2017 bà U, anh P1, anh T, chị N và chị O kháng cáo và ngày 03/7/2017 Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện A có Quyết định kháng nghị bản án sơ thẩm. Xét kháng cáo của đương sự và kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện A còn trong hạn luật định, nên Tòa án phúc thẩm thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

[2] Ông Đặng Thành S1 có 02 người vợ là bà Phạm Thị U và bà Lê Thị H và 09 người con là Đặng Thị N, anh Đặng Quốc T, anh Đặng Thanh P1, chị Đặng Thị Kiều O, Đặng Thanh P2, anh Đặng Hoàng P, anh Đặng Minh N1, anh Đặng Minh T1 và chị Đặng Thị L. Ngày 17/01/2014 ông S1 chết. Anh Đặng Hoàng P, Đặng Thị L, Đặng Minh N1, Đặng Minh T1 yêu cầu chia thừa kế phần di sản của ông S1 để lại. Khi giải quyết vụ án tranh chấp di sản thừa kế này, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là vi phạm khoản 4 Điều 68 và Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Theo đơn khởi kiện ban đầu của anh Đặng Hoàng P và yêu cầu độc lập của anh Đặng Minh N1, anh Đặng Minh T1 và chị Đặng Thị L, yêu cầu được nhận giá trị di sản do ông Đặng Thành S1 để lại của các thửa đất số 26, 144, 213, 219, 307 và 1/20 giá trị ngôi nhà cấp 4 gắn liền trên phần đất thửa số 26 cùng giá trị cây trồng trên đất, với tổng số tiền là 60.000.000đ/suất. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ủy quyền cho bà H tham gia tố tụng rút yêu cầu đối với 1/20 giá trị ngôi nhà cấp 4 và giá trị cây trồng trên đất. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Lê Thị H là đại diện theo ủy quyền của anh P, anh N1, anh T1, chị L bổ sung yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất 356 diện tích 3.303,7m², yêu cầu được hưởng giá trị tổng số tiền là 65.000.000đ/suất. Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết chấp nhận yêu cầu đối với thửa 356 là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu.

[4] Về nội dung: Trong quá trình thụ lý giải quyết, án sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ chứng cứ, chưa làm rõ nguồn gốc các thửa đất mà nguyên đơn yêu cầu chia để xác định có phải là di sản của ông S1 để lại hay không, vì hiện nay các thửa đất số 307 và thửa đất số 356 có những phần đất ông S1 nhận chuyển nhượng của người khác như bà N2, ông H4, ông T2 và bà T3 nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại cấp phúc thẩm, anh Đặng Thanh P1 xác định thửa đất số 307 và thửa đất số 356 có những phần đất do anh P1 nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Hữu H4, ông Nguyễn Văn T2, bà Đặng Thị N2 và ông Lưu M1 nhưng chưa làm thủ tục sang tên (có hợp đồng chuyển nhượng viết tay kèm theo), hiện nay ông T2, ông H4, bà N2 và ông M1 vẫn còn đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông H4, ông T2 và bà N2 xác nhận có chuyển nhượng cho anh P1 các phần đất như anh P1 trình bày và hiện nay những người này vẫn còn đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Riêng ông Mạnh đã chết, vợ ông Mạnh là bà Thôi, nhưng án sơ thẩm không đưa bà T3 vào tham gia tố tụng.

[5] Bà N2 còn trình bày, hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà N2 đang thế chấp tại Ngân hàng để vay vốn. Ngày 16/5/2018 Ngân hàng nông nghiệp và PTNT - chi nhánh huyện A xác nhận: ngày 14/3/2002 bà Đặng Thị N2 có vay của Ngân hàng 6.000.000đ đến nay đã quá hạn nhưng bà N2 chưa thanh toán. Khi vay bà N2 có thế chấp 01 Giấy chứng nhận QSDĐ số B 564119, tờ bản đồ số 3, gồm các thửa: thửa 1190 đất thổ quả, diện tích 2.360m², thửa 1210 đất lúa, diện tích 3.220m², thửa 1613 đất lúa, diện tích 660m² do UBND huyện A cấp ngày 20/8/1993. (trong đó, thửa 1613 mà bà N2 đã chuyển nhượng cho ông P1, ông S1). Án sơ thẩm không đưa Ngân hàng vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Như vậy, án sơ thẩm chưa làm rõ các thửa đất này có phải là di sản của ông S1 để lại hay không mà chấp nhận toàn bộ các thửa đất 26, 144, 213, 219, 307, 356 để chia thừa kế là chưa chính xác, không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Không đưa hết những người có quyền và nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng. Mặt khác, án sơ thẩm quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh P, chị L, anh N1, anh T1 buộc bà U, chị N, anh T, anh P1, chị O phải trả giá trị di sản do ông S1 để lại cho anh P, anh N1, anh T1, chị L mỗi người là 44.350.900đ nhưng Bản án không công nhận các phần đất trên cho bà U, chị N, anh T, anh P1, chị O và

kê khai đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013, mà tạm giao các thửa đất số 26, 144, 213, 291, 307, 356 cho bà U, chị N, anh T, anh P1, chị O quản lý, sử dụng làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của bà U, chị N, anh T, anh P1, chị O và anh P2.

[6] Từ những nhận định phân tích trên cho thấy cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, điều tra thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, chưa bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Tại cấp phúc thẩm, phía bị đơn trình bày khi giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm đương sự không hiểu rõ sự việc nên không trình bày với Tòa án là những phần đất chuyển nhượng của bà N2, ông T2, ông H4 và bà T3 là do anh P1 chuyển nhượng đến nay chưa làm thủ tục sang tên theo quy định của pháp luật và việc phân đất anh P1 chuyển nhượng của bà N2, bà N2 đã thế chấp vay tiền tại Ngân hàng đến nay chưa trả tiền cho Ngân hàng anh P1 cũng không có trình bày cho cấp sơ thẩm biết, nên cấp sơ thẩm không thu thập được các tình tiết này. Đây là tình tiết mới phát sinh mà cấp phúc thẩm đã thu thập được. Do đó thiếu sót của cấp sơ thẩm đương sự cũng có lỗi một phần. Những thiếu sót của cấp sơ thẩm, cấp phúc thẩm không thể khắc phục, bổ sung được, nên cần phải hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung, do đó chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện A.

[7] Do hủy án sơ thẩm, nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Hoàn trả bà U, anh P1, anh T và chị N tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ.

Xét đề nghị của vị luật gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Đặng Hoàng P và anh Đặng Minh N1 là không có căn cứ.

Xét đề nghị của vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Phạm Thị U, Anh Đặng Thanh P1, chị Đặng Thị N và anh Đặng Quốc T là có căn cứ chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân A, tỉnh Vĩnh Long.

1/ Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 26/2017/DS-ST ngày 19/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện A đã xử giữa nguyên đơn anh Đặng Hoàng P với bị đơn bà Phạm Thị U và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

2/ Giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân huyện A giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

3/ Về án phí phúc thẩm: Hoàn trả bà Phạm Thị U, chị Đặng Thị N, anh Đặng Quốc T, chị Đặng Thị Kiều O và anh Đặng Thanh P1 mỗi người 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo các biên lai thu tiền số 0013937; 0013936; 0013939; 0013938; 0013940 ngày 30/6/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Vĩnh Long.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC: 01b;
- TNV: 01b;
- VKSND T Vĩnh Long: 02b;
- TAND H A: 01b;
- VKSND H A: 01b;
- CCTHADS H A: 01b;
- Các đương sự: 13b;
- Lưu: 04b./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Lộc